

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2024/HS-ST
Ngày: 19-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quang Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Văn Huỳnh.
- Bà Lê Thị Hồng Trinh.

Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 226/2023/TLST-HS ngày 31/10/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HS ngày 26/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2024/HSST-QĐ ngày 21/3/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn C**, sinh ngày: 25/11/1999 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn S và bà Võ Thị L; vợ, con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tại bản án số 12/2017/HSST ngày 09/6/2017.

+ Bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại bản án số 41/2017/HSST ngày 06/7/2017.

+ Bị Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 18 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tại bản án số 12/2017/HSST ngày 16/8/2017.

+ Bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 02 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tại bản án số 15/2017/HSST ngày 30/8/2017.

+ Bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tại bản án số 119/2017/HSST ngày 01/12/2017. Tổng hợp hình phạt với bản án số 12/2017/HSST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, bản án số 41/2017/HSST ngày 06/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, bản án số 12/2017/HSST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, bản án số 15/HSST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, buộc bị cáo Nguyễn Văn C chấp hành hình phạt chung của 05 bản án là 06 năm tù.

Bị bắt tạm giam từ ngày 09/6/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Quảng Ngãi. Có mặt.

- *Bị hại:*

+ Lê Quang V, sinh năm 2002; trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 2002; trú tại: Tổ 3, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

+ Anh Lê Đức Th, sinh năm 1986; trú tại: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

+ Bà Bùi Thị Mỹ Q, sinh năm 1976; trú tại: Tổ dân phố T, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

+ Chị Võ Thị Thu T, sinh năm 1982; trú tại: Tổ dân phố T, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

+ Anh Hồ Kỳ P, sinh năm 1990; Tổ 4, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài cá nhân, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2022 đến tháng 5/2023 Nguyễn Văn C đã thực hiện 05 vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

- *Vụ thứ nhất:* Từ tháng 10/2022 đến tháng 12/2022, Nguyễn Văn C thường đến cửa hàng điện thoại di động “Quang Vinh” - địa chỉ: Số 267 đường Q, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do Lê Quang V (SN: 2002, nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi) làm chủ để mua điện thoại di động (mua khoảng 03 đến 04 chiếc điện thoại). Những lần trao đổi mua, bán điện

thoại, C làm quen với anh Lê Quang V và chị Nguyễn Thị Thanh B (SN: 2002, nơi cư trú: Tổ 03, phường N, TP Q, tỉnh Quảng Ngãi) là nhân viên cửa hàng điện thoại Quang V. Sau đó, C rủ anh Lê Quang V vào huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định chơi, C dẫn anh V đến nhà của cán bộ quản giáo Trại tạm giam Kim Sơn để nhận (vì trước đó, C thi hành án phạt tù tại Trại giam Kim Sơn nên quen với người này).

Ngày 12/12/2022, C đến cửa hàng điện thoại di động “Quang Vinh”, giới thiệu là cán bộ hiện đang công tác tại Công an thành phố Quảng Ngãi, đồng thời mở ví da để anh V và chị B nhìn thấy một tấm thẻ màu đỏ và hình chân dung của C đặt ở ngăn ngoài cùng của ví da. C nói đó là thẻ ngành Công an nhân dân và đưa lướt qua cho anh V và chị B nhìn thấy. Sau đó, C đặt vấn đề với anh V là cần mua nợ 04 (bốn) điện thoại di động để tặng sếp, khi nào có lương sẽ trả lại cho anh V. Tin tưởng C là cán bộ Công an, anh V đồng ý bán nợ cho 04 (bốn) điện thoại di động và 01 thẻ sim, cụ thể:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax với giá 16.500.000 đồng.
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax với giá 8.100.000 đồng.
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax với giá 9.300.000 đồng.
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax với giá 8.500.000 đồng.
- 01 (một) thẻ sim điện thoại di động Mobiphone với giá 80.000 đồng.

Tổng giá trị là: 42.480.000 đồng.

Đồng thời, C cũng mượn chị Nguyễn Thị Thanh B số tiền 15.000.000 đồng để trả trước cho anh V, do tin tưởng C là công an nên chị B đồng ý cho mượn. Như vậy, C chiếm đoạt của anh V số tiền 27.480.000 đồng và chiếm đoạt của chị B số tiền 15.000.000 đồng.

Sau khi mua điện thoại của anh V, C đi vào Thành phố Hồ Chí Minh bán 04 (bốn) điện thoại di động trên cho một người đàn ông (Không xác định nhân thân lai lịch) với tổng số tiền 13.600.000 đồng, số tiền này C sử dụng tiêu xài cá nhân, còn thẻ sim thì vứt bỏ. Sau một thời gian mua điện thoại, anh V và chị B nhiều lần gọi điện thoại cho C nhưng không liên lạc được. Sau đó, anh V đến nhà C ở xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi hỏi số điện thoại của C và nói sẽ trình báo sự việc trên cho Cơ quan Công an. Nghe vậy, C lo sợ nên đã nhiều lần trả nợ cho anh V và chị B bằng cách chuyển khoản và trả tiền mặt, cụ thể: Tổng số tiền C trả cho anh V là 20.480.000 đồng, trả cho chị B là 2.000.000 đồng. Sau đó, C cắt liên lạc, không tiếp tục trả nợ cho anh V và chị B. Như vậy, số tiền C còn chiếm đoạt của anh V là 7.000.000 đồng, chiếm đoạt của chị B là 13.000.000 đồng.

- *Vụ thứ hai:* Nguyễn Văn C và anh Lê Đức Th (SN: 1986, nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi) có quen biết từ trước, C giới thiệu mình có xe

ô tô cho thuê tự lái. Do có nhu cầu cần thuê xe tự lái để đi trong dịp Tết Nguyên đán năm 2023, nên ngày 10/01/2023 anh Th liên hệ và gặp C để thuê xe từ chiều ngày 20/1/2023 đến ngày 27/01/2023. C báo giá tiền là 18.000.000 đồng và yêu cầu đặt cọc 5.000.000 đồng. Anh Th đồng ý và đưa cho C số tiền 2.500.000 đồng tiền mặt, chuyển khoản số tiền 2.500.000 đồng vào số tài khoản 57010004479157, chủ tài khoản là Nguyễn Văn C. Ngày 17/1/2023, tại quán cà phê Mỹ Quyên (địa chỉ: 267 V, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi) C đưa cho anh Th ký Hợp đồng thuê xe và C giữ Hợp đồng này. Đến ngày 20/01/2023, C không giao xe cho anh Th như đã thỏa thuận và cắt liên lạc với anh Th, chiếm đoạt số tiền 5.000.000 đồng.

- *Vụ thứ ba*: Ngày 16/01/2023, Nguyễn Văn C đến quán cà phê Mỹ Quyên (địa chỉ: 267 V, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi) do chị Bùi Thị Mỹ Q (SN: 1976, nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường T, TP Q, tỉnh Quảng Ngãi) làm chủ để uống cà phê. Tại đây, C nghe chị Q đang nghe điện thoại với một người quen, người này nhờ chị Q thuê giúp một xe ô tô tự lái để đi trong dịp Tết Nguyên đán năm 2023. Nghe chị Q nói chuyện điện thoại, C tiếp cận chị Q và giới thiệu mình có nhiều xe ô tô để cho thuê, đồng thời mở ứng dụng trong điện thoại di động thể hiện định vị của một số xe ô tô đang hoạt động mà C đã cho thuê - trước đó C có thuê xe của ông Nguyễn Đ (SN 1985, trú tại: Hẻm 135 đường T, phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi), ông Đoàn có cài đặt ứng dụng và cung cấp mật khẩu để C quản lý quá trình di chuyển của xe. Ngày 20/12/2022, C kết thúc Hợp đồng thuê xe, nhưng khoảng cuối tháng 01/2023 ông Đ mới đổi mật khẩu.

Thấy vậy, chị Q hỏi thuê xe ô tô để đi trong dịp tết và C đồng ý. Ngày 18/01/2023, C đến gặp chị Q tại quán cà phê Mỹ Quyên để ký Hợp đồng thuê xe do C soạn thảo, ký xong C cắt giữ hợp đồng trên và yêu cầu chị Q chuyển trước số tiền cọc là 2.000.000 đồng thì mới giao xe cho chị Q trong ngày 21/01/2023. Chị Q đưa cho C số tiền 2.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền cọc, C không giao xe cho chị Q thuê trong ngày 21/01/2023 như thỏa thuận, cắt liên lạc và chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng.

- *Vụ thứ tư*: Trong năm 2022, chị Võ Thị Thu T (SN: 1982, nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường T, TP Q, tỉnh Quảng Ngãi) đã thuê xe ô tô tự lái của Nguyễn Văn C trước đó (Do C thuê xe tự lái của người khác cho thuê lại). Ngày 17/01/2023, chị T có nhu cầu cần thuê xe tự lái để đi trong dịp Tết Nguyên đán năm 2023, nên liên hệ và gặp C tại quán cà phê Mỹ Quyên thuộc phường T, thành phố Q để thỏa thuận thuê xe. Tại đây, C đưa Hợp đồng thuê xe do C soạn thảo cho chị T ký, sau đó C cắt giữ hợp đồng trên. C yêu cầu chị T trả tiền đặt cọc trước thì mới giao xe cho chị T trong ngày 19/01/2023, chị T đồng ý. Anh Trần Quốc V (SN: 1981, nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường T, TP Q, tỉnh Quảng Ngãi) là chồng chị T dùng tài khoản số 06985998391 mở tại Ngân hàng Tiên Phong do anh Trần Quốc V đứng tên chủ tài khoản chuyển số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) vào tài khoản số 57010004479157 mở tại Ngân hàng BIDV do Nguyễn Văn C đứng tên chủ tài khoản. Đến ngày 19/01/2023, C có hứa hẹn giao xe cho chị T, nhưng sau đó C cắt liên lạc và chiếm đoạt số tiền 4.000.000 đồng.

- Vụ thứ năm: Ngày 08/5/2023, Nguyễn Văn C uống cà phê tại khu dân cư 577, phường Trương Quang Trọng, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi có 01 khách nữ gọi điện thoại cho bị can C nói cần thuê một xe ô tô để đi đến Bệnh viện sản nhi thành phố Đà Nẵng thăm con bị bệnh thì C nói sẽ gọi lại sau. Lúc C tìm thuê xe ô tô trên mạng xã hội thì thấy có bài viết của anh Hồ Kỳ P (Sinh năm 1990, nơi cư trú: Tổ 04, phường Q, TP Q, tỉnh Quảng Ngãi) có nội dung cho thuê xe ô tô tự lái nên kết bạn zalo và gọi điện thoại cho anh P. C nói mình là chủ nhà nghỉ “Tre Việt” ở phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, hiện mẹ C đang bị bệnh nặng cần thuê 01 xe ô tô để đi Bệnh viện Đa khoa Đà Nẵng. Sau đó, C hẹn gặp anh P tại trước nhà nghỉ Tre Việt, nên anh P điều khiển xe ô tô màu trắng nhãn hiệu CHEVROLET, biển số: 76A-064.21 đến trước nhà nghỉ Tre Việt. Tại đây, C đưa thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe mang tên của C cho anh P xem, anh P dùng điện thoại di động để chụp hình lại. Sau đó, C và anh P thỏa thuận bằng miệng, anh P cho C thuê xe ô tô trong thời gian 03 ngày với giá tiền từ 700.000 đồng- 800.000 đồng, C đưa trước cho anh P 500.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được xe ô tô 76A-064.21, C sử dụng chở khách nữ đã đặt trước đó đến Bệnh viện sản nhi TP Đà Nẵng. Sau đó, C điều khiển xe ô tô 76A-064.21 vào TP Hồ Chí Minh và sử dụng xe ô tô 76A-064.21 để chạy dịch vụ chở khách. Ngày 10/5/2023, anh P gọi điện thoại cho C thì C nói mẹ của C đã chết nên chưa trả xe cho anh P được, sau đó C cắt liên lạc, chiếm đoạt xe ô tô 76A-064.21 của anh Hồ Kỳ P.

Ngày 08/6/2023, C điều khiển xe ô tô 76A-064.21 vi phạm luật giao thông đường bộ bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an TP Thủ Đức tạm giữ phương tiện vi phạm là xe ô tô 76A-064.21. Quá trình làm việc, C khai nhận xe ô tô 76A-064.21 do C lừa đảo chiếm đoạt được của anh Hồ Kỳ P nên lực lượng Cảnh sát giao thông Công an TP Thủ Đức bàn giao C cùng tang vật là xe ô tô 76A-064.21 cho Công an phường Linh Xuân, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh để điều tra. Ngày 09/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an TP Quảng Ngãi tiếp nhận Nguyễn Văn Văn C từ Công an phường Linh Xuân, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 34/HĐĐGTS ngày 23/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự TP Quảng Ngãi kết luận:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax tại thời điểm tháng 12/2022, trị giá 16.000.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax tại thời điểm tháng 12/2022, trị giá 8.000.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax tại thời điểm tháng 12/2022, trị giá 8.000.000 đồng.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xsmax tại thời điểm tháng 12/2022, trị giá 8.000.000 đồng.

- 01 (một) thẻ sim điện thoại di động Mobiphone tại thời điểm tháng 12/2022, trị giá 70.000 đồng.

Tổng cộng 40.070.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 58/HĐĐGTS ngày 07/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự TP Quảng Ngãi kết luận: 01 (một) xe ô tô con, nhãn hiệu CHEVROLET, số loại: CRUZEKL1JJNE11AA5; số máy: F16D31073912; số khung: RLLJF696ECH909811; màu sơn: Trắng, biển số: 76A - 064.21 (Tài sản đã qua sử dụng), tại thời điểm ngày 08/5/2023 trị giá 185.590.000 đồng.

Như vậy, bị cáo Nguyễn Văn C thực hiện 05 (năm) vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền chiếm đoạt là 251.660.000 đồng.

Cáo trạng số 204/CT-VKS-TPQN ngày 30/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

* Về thu giữ, xử lý vật chứng:

- Thu giữ của Nguyễn Văn C:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GalaxyA7, số Imel 1: 353465103351050, Imel 2: 353466103351058, trên điện thoại có gắn hai thẻ sim số thuê bao 0972769476 và 0975765376. Đây là phương tiện bị cáo Nguyễn Văn C dùng để liên lạc với anh Hồ Kỳ P thuê xe ô tô 76A-064.21, đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số sêri 1: 352882105443449, số sêri 2: 352882106443448, trên điện thoại có gắn thẻ sim viettel số thuê bao 0363025758. Đây là điện thoại di động cá nhân của bị cáo Nguyễn Văn C không liên quan đến vụ án, nên đề nghị trả lại cho bị cáo C.

+ 02 (hai) thẻ gắn sim 4G màu đỏ: Đây là thẻ sim bị cáo Nguyễn Văn C dùng để dán ảnh chân dung của bị cáo C để ở ngăn ngoài cùng ví da và đưa cho anh Lê Quang V và chị Nguyễn Thị Thanh B xem. Đây là công cụ, phương tiện bị cáo dùng để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh V và chị B, nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (một) ví da màu đen mặt trước có dòng chữ ITALY. Đây là ví da bị cáo C sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Lê Quang V và chị Nguyễn Thị Thanh B, nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng BIDV có số tài khoản 57010004479157, mang tên NGUYEN VAN CHIEN. Đây là thẻ Ngân hàng Nguyễn Văn C dùng để nhận tiền đặt cọc 4.000.000 đồng của chị Võ Thị Thu T (chị T nhờ chồng là Trần Quốc V chuyển khoản) vào ngày 17/01/2023. Đây là công cụ, phương tiện

bị cáo C dùng để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Võ Thị Thu T, nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (một) giấy phép lái xe số 002195 mang tên Chế Quang H, sinh ngày 20/02/1990 và 01 (một) giấy phép lái xe số 60A01793 mang tên Chế Quang H, sinh ngày 20/02/1990. Qua điều tra xác định hiện nay ông Chế Quang H không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa làm việc với ông Huy. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Quảng Ngãi tách 01 (một) giấy phép lái xe số 002195 mang tên Chế Quang H, sinh ngày 20/02/1990 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp và 01 (một) giấy phép lái xe số 60A01793 mang tên Chế Quang H, sinh ngày 20/02/1990 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp ra khỏi hồ sơ vụ án, tiếp tục xác minh và xử lý sau.

+ 01 (một) xe ô tô con, nhãn hiệu CHEVROLET, số loại: CRUZEKL1JJNE11AA5; số máy: F16D31073912; số khung: RLLJF696ECH909811; màu sơn: Trắng, biển kiểm soát: 76A - 064.21 (Tài sản đã qua sử dụng). Đây là xe ô tô của anh Hồ Kỳ P có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 026633 mang tên Hồ Kỳ P do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 07/11/2019. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Quảng Ngãi đã trả lại xe ô tô biển kiểm soát 76A - 064.21 cho chủ sở hữu là anh Hồ Kỳ P.

** Về dân sự:*

- Bị cáo Nguyễn Văn C đã thông qua gia đình bồi thường phần dân sự cho bà Bùi Thị Mỹ Q số tiền 2.000.000 đồng, bà Q không có yêu cầu gì khác.

- Chị Nguyễn Thị Thanh B yêu cầu trả bị cáo C lại số tiền 13.000.000 đồng.

- Chị Võ Thị Thu T yêu cầu bị cáo C trả lại số tiền 4.000.000 đồng.

- Anh Lê Đức Th yêu cầu bị cáo C trả lại số tiền 5.000.000 đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Quang V yêu cầu bị cáo C trả lại số tiền 7.000.000 đồng. Tại phiên tòa, anh V xác định chỉ yêu cầu bị cáo C trả lại số tiền 4.590.000 đồng.

- Anh Hồ Kỳ P đã nhận lại xe ô tô 76A-06421 và không yêu cầu gì về phần dân sự trong vụ án.

Do đó, đề nghị tuyên buộc bị cáo C phải trả lại cho chị B 13.000.000 đồng, trả lại cho anh V 4.590.000 đồng, trả lại cho chị T 4.000.000 đồng, trả lại cho anh Th 5.000.000 đồng.

Ý kiến tranh luận của bị cáo: Bị cáo thống nhất, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất ăn năn, hối hận đối với hành vi phạm tội do mình gây ra, bị cáo xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ để bị cáo cải tạo tốt, sớm trở về làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của bị hại anh Lê Đức Th, bà Bùi Thị Mỹ Q, chị Võ Thị Thu T, anh Hồ Kỳ P tại phiên tòa: Bị cáo, bị hại anh Lê Quang V, chị Nguyễn Thị Thanh B và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đều đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử, không đề nghị hoãn phiên tòa. Xét bị hại trong quá trình điều tra đã có lời khai, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tiếp tục xét xử.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, nên có cơ sở xác định:

Để có tiền tiêu xài cá nhân, Nguyễn Văn C đã thực hiện 05 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể: Lợi dụng mối quan hệ quen biết với anh Lê Quang V và chị Nguyễn Thị Thanh B, bị cáo Nguyễn Văn C nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh V, chị B. Ngày 12/12/2022, bị cáo C đến gặp anh V, chị B và đưa ra thông tin gian dối mình là cán bộ Công an hiện đang công tác tại Công an thành phố Quảng Ngãi, cần mua 04 (bốn) điện thoại di động Iphone để tặng lãnh đạo trong dịp Tết, C chuẩn bị sẵn một tấm thẻ sim màu đỏ có dán hình chân dung của mình để ở ngăn ngoài cùng của ví da rồi đưa lướt qua cho anh V, chị B thấy, C cam kết sau khi nhận lương sẽ trả tiền cho anh V. Anh V tin lời nói của C nên đồng ý bán nợ 04 (bốn) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone và 01 (một) thẻ sim điện thoại di động cho bị cáo C với giá 42.480.000 đồng (theo kết luận định giá tài sản là 40.070.000 đồng). Để anh V thêm tin tưởng, C nói chị B cho C mượn số tiền 15.000.000 đồng để trả trước cho anh V và cam kết sau khi nhận lương sẽ trả đủ tiền cho anh V và chị B. Do tin tưởng C là công an và C cam kết sẽ trả tiền khi có lương nên chị B đồng ý đưa số tiền 15.000.000 đồng cho C. Sau khi lấy được tiền, C đưa số tiền 15.000.000 đồng cho anh V. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, C vứt bỏ thẻ sim, cắt đứt liên lạc với anh V, chị B, giá trị tài sản bị cáo C chiếm đoạt của anh V là 40.070.000 đồng, chiếm đoạt của chị B 15.000.000 đồng. Ngoài ra, trong thời gian từ ngày 10/01/2023 đến ngày 17/01/2023, bị cáo C đưa ra thông tin gian dối với anh Lê Đức Th, chị Bùi Thị Mỹ Q và chị Võ Thị Thu T là C có xe ô tô cho thuê tự lái. Vì tin tưởng C có xe ô tô để cho thuê (thực tế C không có

xe), nên anh Th, chị Q và chị T đồng ý đặt cọc tiền thuê xe cho C với số tiền lần lượt là 5.000.000 đồng, 2.000.000 đồng và 4.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo C cắt liên lạc và chiếm đoạt tiền của anh Th, chị Q và chị T. Đến ngày 08/5/2023, tại nhà nghỉ Tre Việt ở phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, bị cáo C đưa ra thông tin gian dối mình là chủ nhà nghỉ Tre Việt, cần thuê xe của anh Hồ Kỳ P để chở mẹ bị bệnh rất nặng ra Bệnh viện Đà Nẵng điều trị. Tin lời C, anh Hồ Kỳ P cho C thuê xe ô tô biển kiểm soát 76A - 064.21. Sau đó, C điều khiển xe của anh P vào thành phố Hồ Chí Minh sử dụng, cắt đứt liên lạc và không trả xe cho anh P, giá trị xe ô tô biển kiểm soát 76A-064.21 là 185.590.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo Nguyễn Văn C chiếm đoạt của anh Lê Quang V, chị Nguyễn Thị Thanh B, anh Lê Đức Th, chị Bùi Thị Mỹ Q, chị Võ Thị Thu T, anh Hồ Kỳ P là 251.660.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi truy tố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Bị cáo Nguyễn Văn C là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội ở địa phương, nên cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm răn đe, giáo dục bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần phải đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tiền án, tiền sự, nhân thân của bị cáo.

[5.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Giá trị tài sản trong 05 lần bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đều từ 2.000.000 đồng trở lên, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Mặc dù, bị cáo Nguyễn Văn C thực hiện 05 lần chiếm đoạt tài sản của người khác, tuy nhiên mục đích của bị cáo lừa đảo là để kiếm tiền tiêu xài cá nhân, tại thời điểm phạm tội bị cáo vẫn có công việc dù không ổn định nên có căn cứ xác định bị cáo không lấy tài sản chiếm đoạt được để làm nguồn sống chính. Do đó, hành vi của bị cáo không thuộc trường hợp “*phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Ngày 01/12/2017 bị cáo Nguyễn Văn C bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tại bản án số 119/2017/HSST, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị

cáo là người chưa thành niên, nên theo quy định tại Điều 107 Bộ luật hình sự xác định bị cáo không có án tích trong lần phạm tội này.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; thông qua gia đình bị cáo đã bồi thường xong 2.000.000 đồng cho bị hại bà Bùi Thị Mỹ Q, được bà Q có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tại phiên tòa, bị hại anh Lê Quang V, chị Nguyễn Thị Thanh B xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã bồi thường xong phần dân sự cho bị hại Bùi Thị Mỹ Q, bà Q không có yêu cầu gì khác, nên không xem xét.

Bị hại anh Hồ Kỳ P đã nhận lại xe ô tô biển kiểm soát 76A-06.421 và không yêu cầu gì về phần dân sự, nên không xem xét.

Tại phiên tòa, anh Lê Quang V yêu cầu bị cáo phải trả lại 4.590.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thanh B yêu cầu bị cáo phải trả lại 13.000.000 đồng, chị Võ Thị Thu T yêu cầu bị cáo phải trả lại 4.000.000 đồng, anh Lê Đức Th yêu cầu bị cáo phải trả lại 5.000.000 đồng. Xét yêu cầu của bị hại là có căn cứ nên bị cáo Nguyễn Văn C phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh B 13.000.000 đồng, trả lại cho anh Lê Quang V 4.590.000 đồng, trả lại cho chị Võ Thị Thu T 4.000.000 đồng, trả lại cho anh Lê Đức Th 5.000.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GalaxyA7, số Imel 1: 353465103351050, Imel 2: 353466103351058, trên điện thoại có gắn hai thẻ sim số thuê bao 0972769476 và 0975765376: Bị cáo C sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số sêri 1: 352882105443449, số sêri 2: 352882106443448, có gắn 01 (một) thẻ sim viettel số thuê bao 0363025758: Bị cáo C mua sau khi thực hiện các lần phạm tội nên trả lại cho bị cáo C. Tuy nhiên, do bị cáo C phải chịu nghĩa vụ dân sự nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- 02 (hai) thẻ gắn sim 4G, màu đỏ: Đây là dụng cụ bị cáo Nguyễn Văn C dùng để dán ảnh chân dung của bị cáo C để ở ngăn ngoài cùng ví da và đưa cho anh Lê Quang V và chị Nguyễn Thị Thanh B xem, nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh V, chị B. Đây là công cụ, phương tiện bị cáo Nguyễn Văn C dùng để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) ví da màu đen mặt trước có dòng chữ ITALY: Đây là ví da bị cáo C sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Lê Quang V và chị Nguyễn Thị Thanh B, nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng BIDV có số tài khoản 57010004479157, mang tên NGUYEN VAN CHIEN. Đây là thẻ Ngân hàng Nguyễn Văn C dùng để nhận tiền đặt cọc 4.000.000 đồng của chị Võ Thị Thu T vào ngày 17/01/2023: Đây là công cụ, phương tiện bị cáo Nguyễn Văn C dùng để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Võ Thị Thu T, nên cần tịch thu, tiêu hủy.

+ 01 (một) giấy phép lái xe số 002195, mang tên Chế Quang Huy, sinh ngày: 20/02/1990 và 01 (một) giấy phép lái xe số 60A01793, mang tên Chế Quang Huy, sinh ngày: 20/02/1990. Qua điều tra xác định hiện nay ông Chế Quang Huy không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa làm việc với anh Chế Quang Huy. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Quảng Ngãi tách 01 (một) giấy phép lái xe số 002195, mang tên Chế Quang Huy, sinh ngày: 20/02/1990 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp và 01 (một) giấy phép lái xe số 60A01793, mang tên Chế Quang Huy, sinh ngày: 20/02/1990 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp ra khỏi hồ sơ vụ án, tiếp tục xác minh và xử lý sau.

+ 01 (một) xe ô tô con, nhãn hiệu CHEVROLET, số loại: CRUZEKL1JJNE11AA5; số máy: F16D31073912; số khung: RLLJF696ECH909811; màu sơn: Trắng, biển số: 76A - 064.21 (Tài sản đã qua sử dụng). Đây là xe ô tô của anh Hồ Kỳ P có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 026633 mang tên Hồ Kỳ P (SN: 1990, nơi cư trú: Tổ 04, phường Q, TP Q, tỉnh Quảng Ngãi) do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 07/11/2019. Cơ quan CSĐT Công an thành phố Quảng Ngãi trả lại xe ô tô 76A - 064.21 cho chủ sở hữu là anh Hồ Kỳ P là phù hợp.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/6/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải trả lại cho anh Lê Quang V số tiền 4.590.000 (bốn triệu, năm trăm chín mươi nghìn) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh B số tiền 13.000.000 (mười ba triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải trả lại cho chị Võ Thị Thu T số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải trả lại cho anh Lê Đức Th số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GalaxyA7, số Imel 1: 353465103351050, Imel 2: 353466103351058, trên điện thoại có gắn hai thẻ sim số thuê bao 0972769476 và 0975765376.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số sêri 1: 352882105443449, số sêri 2: 352882106443448, có gắn 01 (một) thẻ sim viettel số thuê bao 0363025758. Do bị cáo C phải thực hiện nghĩa vụ dân sự, nên tiếp tục tạm giữ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số sêri 1: 352882105443449, số sêri 2: 352882106443448, có gắn 01 (một) thẻ sim viettel số thuê bao 0363025758 để đảm bảo thi hành hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) thẻ gắn sim 4G màu đỏ; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng BIDV có số tài khoản 57010004479157, mang tên NGUYEN VAN CHIEN; 01 (một) ví da màu đen mặt trước có dòng chữ ITALY.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/11/2023 giữa Công an thành phố Quảng Ngãi với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.329.500 (một triệu, ba trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- CQ cảnh sát điều tra Công an TP. Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Quảng Ngãi;
- Đội tổng hợp Công an TP. Quảng Ngãi;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP. Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Quang Hải